

**BẢN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ
31/2024/TT-NHNN NGÀY 30/6/2024 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN CÓ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN
HÀNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NGOÀI (THÔNG TƯ 31)**
(Đính kèm Công văn số/NHNN-ATHT ngày ... tháng 3 năm 2026 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

1. Về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ

Câu 1: Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro được thực hiện như thế nào trong trường hợp khách hàng có cả khoản vay và trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) niêm yết? Các báo cáo Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về cấp tín dụng bao gồm TPDN đã niêm yết thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) sẽ báo cáo phần TPDN đã niêm yết này vào nhóm nợ bao nhiêu?

Trả lời:

- Điểm g khoản 1 Điều 1 Thông tư 31 quy định:

“1. Thông tư này quy định về việc phân loại đối với các tài sản có (sau đây gọi là nợ) trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh từ các hoạt động sau:

... g. Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro; ...”

- Khoản 7 Điều 9 Thông tư 31 quy định:

“Điều 9. Nguyên tắc tự phân loại

... 7. Đối với số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) mua trái phiếu chưa niêm yết, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phân loại số tiền mua trái phiếu như là một khoản cho vay đối với bên phát hành trái phiếu; trường hợp trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm thì phân loại như là một khoản cho vay có bảo đảm đối với bên phát hành trái phiếu.

Đối với số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác mua trái phiếu chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu theo quy định của pháp luật thì được phân loại như một khoản cho vay được gia hạn nợ ...”

Căn cứ các quy định nêu trên, Thông tư 31 chỉ quy định thực hiện phân loại nợ đối với TPDN chưa niêm yết. Do đó, các khoản TPDN niêm yết không thuộc phạm vi được phân loại tại Thông tư 31, không liên đới nhóm nợ với các khoản nợ khác quy định tại Thông tư 31. Việc trích lập dự phòng trái phiếu niêm yết thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo

hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Việc tính vào tổng mức cấp tín dụng và báo cáo theo các mẫu biểu yêu cầu của NHNN không thuộc phạm vi hướng dẫn của Thông tư 31 và được thực hiện theo hướng dẫn của NHNN về chế độ báo cáo thống kê và quy định pháp luật khác có liên quan.

Câu 2: Đề nghị NHNN hướng dẫn về nguyên tắc phân loại nợ áp dụng đối với các khoản mua TPDN chào bán tại thị trường quốc tế.

Trả lời:

Quy định tại Thông tư 31 bao gồm cả trường hợp mua TPDN của khách hàng chào bán tại thị trường quốc tế nhưng chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài. Đối với trường hợp mua TPDN đã niêm yết tại thị trường chứng khoán nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư 31.

Câu 3: Khái niệm “khoản nợ/nợ” tại Thông tư 31 được hiểu như thế nào?

Liên quan đến hoạt động bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng, Thông tư 31 xác định khoản nợ/nợ chỉ phát sinh trong trường hợp TCTD phải trả thay nghĩa vụ của khách hàng theo cam kết (trừ trường hợp theo điểm n khoản 1 Điều 1 Thông tư 31). Đối với các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng chưa phát sinh việc trả thay được theo dõi ngoại bảng không thuộc phạm vi nợ/khoản nợ nhưng vẫn phải được phân loại nợ. Ngoài ra, phạm vi áp dụng thuật ngữ “khoản nợ/nợ” tại Thông tư 31 là quan điểm thống nhất của NHNN đối với hoạt động cấp tín dụng. Đề nghị NHNN xác định cách hiểu trên của TCTD có đúng theo quy định tại Thông tư 31 không?

Trả lời:

- Điểm e khoản 1 Điều 1 Thông tư 31 quy định:

“1. Thông tư này quy định về việc phân loại đối với các tài sản có (sau đây gọi là nợ) trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh từ các hoạt động sau:

... e) Trả thay theo cam kết ngoại bảng (bao gồm khoản trả thay nghĩa vụ của khách hàng trong hoạt động bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ các trường hợp quy định tại điểm n Khoản này) và các khoản trả thay khác theo cam kết ngoại bảng); ...”

- Khoản 2 Điều 1 Thông tư 31 quy định:

“2. Các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ các trường hợp quy định tại điểm n khoản 1 Điều này), chấp nhận thanh toán, cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng (sau đây gọi là cam kết ngoại bảng) phải được phân loại theo quy định tại Thông tư này để quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

- Khoản 2 Điều 3 Thông tư 31 quy định:

“2. Khoản nợ là số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã gửi, thanh toán, giải ngân từng lần theo thỏa thuận (đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có thời điểm cuối cùng của thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau) hoặc số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã giải ngân theo thỏa thuận (đối với trường hợp nhiều lần giải ngân nhưng có thời điểm cuối cùng của thời hạn và kỳ hạn trả nợ giống nhau) đối với nợ chưa hoàn trả của một khách hàng.”

- Căn cứ các quy định nêu trên, đối với hoạt động bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng, Thông tư 31 xác định khoản nợ chỉ phát sinh trong trường hợp TCTD đã trả thay nghĩa vụ của khách hàng theo cam kết (trừ trường hợp theo điểm n khoản 1 Điều 1 Thông tư 31). Đối với các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng chưa phát sinh việc trả thay là khoản cam kết ngoại bảng, không thuộc phạm vi nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 31 nhưng vẫn phải được phân loại nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 31 và tuân thủ các quy định khác tại Thông tư 31.

- Thuật ngữ “khoản nợ”, “nợ” tại Thông tư 31 quy định đối với các tài sản có rủi ro phát sinh từ các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 31 (bao gồm các khoản nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác) và được sử dụng thống nhất trong nội dung quy định tại Thông tư 31.

Câu 4: Các khoản phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trước ngày đến hạn thanh toán mà ngân hàng hoàn trả đã thanh toán cho bên thụ hưởng phát sinh trước thời điểm ngày 01/7/2024 thì TCTD phải thực hiện hạch toán kế toán và phân loại nợ như thế nào?

Trả lời:

- Điểm n khoản 1 Điều 1 Thông tư 31 quy định:

“1. Thông tư này quy định về việc phân loại đối với các tài sản có (sau đây gọi là nợ) trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh từ các hoạt động sau:

... n) Nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng;...”

Căn cứ quy định nêu trên, TCTD phải thực hiện phân loại nợ đối với khoản UPAS L/C (bao gồm cả các khoản UPAS L/C phát sinh trước ngày 01/7/2024) theo quy định tại Thông tư 31.

- Ngày 11/6/2025, Ngân hàng Nhà nước đã có Công văn hướng dẫn số 4848/NHNN-TCKT về việc hướng dẫn hạch toán đối với nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng, trong đó đã có hướng dẫn cụ thể về việc hạch toán và giá trị hạch toán của từng loại hình thực

hiện nghiệp vụ thư tín dụng. Do đó, TCTD thực hiện chuyển đổi hạch toán kế toán theo quy định và hướng dẫn của NHNN.

Câu 5: Trường hợp khách hàng đang có khoản nợ đã xử lý rủi ro được giải ngân khoản vay mới thì khoản vay mới sẽ được phân loại nhóm nợ như thế nào? Khách hàng được giải ngân khoản vay mới nhưng vẫn còn dư nợ đã xử lý rủi ro ở TCTD khác thì sau liên đới khách hàng được phân loại nợ như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 3 Điều 1 Thông tư 31 quy định:

“3. Đối với nợ đã sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái (sau đây gọi là Nghị định về trích lập dự phòng rủi ro), ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện quản lý, theo dõi theo quy định tại Nghị định về trích lập dự phòng rủi ro, không phân loại nợ theo quy định tại Thông tư này.”

Căn cứ quy định nêu trên, các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro thì không phân loại nợ theo Thông tư 31 mà thực hiện quản lý theo dõi theo quy định của Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 (Nghị định 86) về trích lập dự phòng rủi ro.

- Khoản 1 Điều 4 Thông tư 31 quy định:

“1. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có biện pháp và thường xuyên thực hiện việc thu thập, khai thác thông tin, số liệu về khách hàng, bao gồm cả thông tin từ Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC), công ty thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật để:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro;

b) Theo dõi, đánh giá tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã xếp hạng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, có biện pháp quản lý rủi ro, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp;

c) Thực hiện tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo quy định tại Thông tư này và thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định về trích lập dự phòng rủi ro.”

Đối với trường hợp một khách hàng có hai khoản nợ trở lên, trong đó có một số khoản nợ nội bảng, một khoản nợ đã được xử lý rủi ro và đưa ra theo dõi ngoại bảng thì khi phân loại đối với khoản nợ nội bảng, căn cứ khoản 1 Điều 4 Thông tư 31 nêu trên, các TCTD cần có biện pháp và thường xuyên thực hiện việc thu thập, khai thác thông tin, số liệu về khách hàng, bao gồm cả thông tin từ Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC), công ty thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật để theo dõi, đánh giá tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng, có biện pháp quản lý rủi ro, quản lý chất lượng tín

dụng phù hợp, thực hiện tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định đối với các khoản nợ nội bảng của cùng một khách hàng.

Câu 6: Trong thời hạn bao thanh toán, khách hàng có thể phát sinh nghĩa vụ trả lãi định kỳ cho TCTD. Thông tư 31 quy định khoản nợ quá hạn khi khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận. Trong khi đó, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 20/2024/TT-NHNN quy định thời điểm tính nợ bao thanh toán kể từ ngày kết thúc thời hạn bao thanh toán. Đề nghị NHNN có hướng dẫn về việc nêu trong thời hạn bao thanh toán mà khách hàng chậm thanh toán một phần số tiền lãi của khoản bao thanh toán thì khoản thanh toán đã bị xác định là quá hạn và phải tiến hành phân loại nợ theo số ngày quá hạn này hay không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 20/2024/TT-NHNN (Thông tư 20) quy định: *“2. Đơn vị bao thanh toán chuyển nợ quá hạn đối với phần nợ bao thanh toán mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận. Đơn vị bao thanh toán phải thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn, trong đó nội dung thông báo tối thiểu bao gồm nợ bao thanh toán quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với nợ bao thanh toán quá hạn. Thời điểm tính nợ quá hạn bao thanh toán kể từ ngày kết thúc thời hạn bao thanh toán.”*

Khoản 3 Điều 3 Thông tư 31 quy định: *“3. Khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Đối với khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng sử dụng thẻ không trả được nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán của mình theo thỏa thuận phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ tín dụng với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”*

Căn cứ các quy định nêu trên, việc chuyển nợ quá hạn tại Thông tư 20 khác với việc xác định khoản nợ quá hạn tại Thông tư 31. Theo đó, việc chuyển nợ tại Thông tư 20 nhằm mục đích tính lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ bao thanh toán đã quá hạn. Trong khi việc xác định khoản nợ quá hạn tại Thông tư 31 nhằm đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, theo đó toàn bộ số dư của khoản nợ được xác định quá hạn khi một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi quá hạn. Do vậy, TCTD căn cứ vào quy định tại Thông tư 31 để thực hiện phân loại nợ.

Câu 7: Khoản nợ quá hạn sẽ chỉ bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn hay bao gồm cả lãi quá hạn trên nợ gốc và lãi chậm trả trên nợ lãi?

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 3 Thông tư 31 quy định: *“2. Khoản nợ là số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã gửi, thanh toán, giải ngân từng lần theo thỏa thuận (đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có thời điểm cuối cùng của thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau) hoặc số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã giải ngân theo thỏa thuận (đối với trường hợp nhiều lần giải*

ngân nhưng có thời điểm cuối cùng của thời hạn và kỳ hạn trả nợ giống nhau) đối với nợ chưa hoàn trả của một khách hàng.”

- Khoản 3 Điều 3 Thông tư 31 quy định: “3. *Khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Đối với khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng sử dụng thẻ không trả được nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán của mình theo thỏa thuận phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ tín dụng với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.*”

- Khoản 1 Điều 4 Nghị định 86 quy định: “... *Ri: là số tiền dự phòng cụ thể phải trích của khách hàng đối với số dư nợ gốc của khoản nợ thứ i. Ri được xác định theo công thức:*

$$Ri = (Ai - Ci) \times r$$

Trong đó:

***Ai:** Số dư nợ gốc của khoản nợ thứ i...*”

Căn cứ các quy định nêu trên, để thực hiện phân loại đối với khoản nợ quá hạn TCTD phải căn cứ trên thông tin thực hiện nghĩa vụ của phần dư nợ gốc và lãi (Lãi là toàn bộ nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận giữa khách hàng với ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn trên nợ gốc và lãi chậm trả trên nợ lãi).

Sau khi có đầy đủ thông tin, TCTD thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng đối với khoản nợ (tính trên số dư nợ gốc của khoản nợ).

2. Về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Câu 8: Các thông tin về người có liên quan của khách hàng là đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng cần tích hợp vào bộ chỉ tiêu chấm điểm tài chính, phi tài chính hay là một chỉ tiêu độc lập để thực hiện xếp hạng tín dụng nội bộ?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 5 Thông tư 31 quy định:

“1. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là hệ thống gồm:

a) Các bộ chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, các quy trình đánh giá khả năng trả nợ, thanh toán của khách hàng trên cơ sở định tính và định lượng về mặt tài chính, tình hình kinh doanh, quản trị, uy tín của khách hàng, kể cả khách hàng là đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng; các thông tin về người có liên quan của khách hàng là đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng;

b) Phương pháp đánh giá xếp hạng cho từng nhóm đối tượng khách hàng khác nhau.”

Căn cứ quy định nêu trên, bộ tiêu chí tài chính, phi tài chính trong hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ bao gồm cả thông tin khách hàng là đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng và các thông tin về người có liên quan của khách hàng là đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng.

5. Về thời điểm, trình tự phân loại nợ

Câu 9: Kết quả phân loại nợ sau khi thực hiện theo trình tự nêu tại Điều 8 Thông tư 31 sẽ được sử dụng như thế nào theo tình huống sau: Khách hàng A theo dữ liệu đến cuối tháng T quá hạn trên 10 ngày, đầu tháng T+1 TCTD thực hiện phân loại nợ đối với khoản nợ của khách hàng, khi đó nhóm nợ của khách hàng được ghi nhận là nhóm 2 từ đầu tháng T+1 (ngày phân loại nợ) hay từ ngày cuối tháng T (ngày chốt dữ liệu)?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 8 Thông tư 31 quy định:

“1. Ít nhất mỗi tháng một lần, trong 07 (bảy) ngày đầu tiên của tháng, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư này để tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề theo kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng và gửi kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng cho CIC.

Ngoài thời điểm phân loại nêu trên, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo quy định nội bộ.”

Căn cứ quy định nêu trên, nguyên tắc tự phân loại nợ là phân loại cho thời điểm ngày cuối cùng của tháng (ngày chốt số liệu), nhóm nợ được phân loại phù hợp với thông tin của khoản nợ đến thời điểm chốt số liệu (như thông tin về việc quá hạn...). Do đó, TCTD căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 31 để thực hiện.

Câu 10: Đề nghị NHNN hướng dẫn sau thời điểm điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo danh sách do CIC cung cấp tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 31, khi CIC đề nghị yêu cầu cập nhật nhóm nợ của khách hàng theo quy định tại Thông tư số 15/2023/TT-NHNN ngày 05/12/2023 (Thông tư 15) thì TCTD có phải thực hiện báo cáo nhóm nợ đã điều chỉnh cho CIC không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điều 8 Thông tư 31, NHNN không quy định việc sau khi TCTD điều chỉnh lại kết quả phân loại nợ theo CIC thì phải gửi lại thông tin cho CIC. Theo đó kết quả phân loại nợ sau khi điều chỉnh theo CIC của khách hàng phục vụ cho công tác quản trị, điều hành, báo cáo, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo quy định nội bộ của TCTD.

Việc cung cấp thông tin cho CIC theo quy định tại Thông tư 15, TCTD thực hiện theo quy định của NHNN và hướng dẫn của CIC.

Câu 11: Trường hợp thứ nhất, khách hàng tháng trước được phân loại nợ nhóm 1, TCTD hiểu rằng nếu khách hàng có số ngày quá hạn 14 ngày trong tháng nhưng đến thời điểm phân loại nợ cuối tháng này khách hàng đã trả hết nợ quá hạn thì sẽ không bị chuyển lên nợ nhóm 2 có đúng theo quy định của Thông tư 31 không? Trường hợp thứ hai, nếu khách hàng có hai khoản vay, khoản thứ nhất bị quá hạn 14 ngày và được tất toán hết trong tháng, khoản còn lại chưa đến

hạn thanh toán, vậy ngân hàng sẽ phân loại khoản vay thứ hai vào nhóm 1 hay nhóm 2?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 4 Thông tư 31 quy định:

“1. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có biện pháp và thường xuyên thực hiện việc thu thập, khai thác thông tin, số liệu về khách hàng, bao gồm cả thông tin từ Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC), công ty thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật để:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro;

b) Theo dõi, đánh giá tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã xếp hạng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, có biện pháp quản lý rủi ro, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp;

c) Thực hiện tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo quy định tại Thông tư này và thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định về trích lập dự phòng rủi ro.”

- Khoản 1 Điều 8 Thông tư 31 quy định:

“1. Ít nhất mỗi tháng một lần, trong 07 (bảy) ngày đầu tiên của tháng, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư này để tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề theo kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng và gửi kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng cho CIC.

Ngoài thời điểm phân loại nêu trên, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo quy định nội bộ.”

Căn cứ quy định nêu trên, ít nhất mỗi tháng một lần, thời điểm chốt số liệu để thực hiện tự phân loại nợ theo quy định tại Thông tư 31 là thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

Đối với trường hợp khoản nợ đã quá hạn trong tháng nhưng khách hàng đã trả hết nợ gốc và lãi bị quá hạn trước thời điểm phân loại nợ (cuối ngày cuối cùng của tháng báo cáo) và chưa tất toán khoản nợ này như ví dụ nêu trên thì TCTD thực hiện xác định nhóm nợ của khách hàng tại thời điểm phân loại nợ như sau: TCTD căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 31 để thu thập, khai thác thông tin về số ngày khách hàng đã quá thời hạn trả nợ thực tế (14 ngày), trên cơ sở đó thực hiện tự phân loại khoản nợ vào nợ nhóm 2 theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 10 Thông tư 31. Sau đó, TCTD tiếp tục căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31 và các quy định khác tại Thông tư 31 để xác định nhóm nợ của khoản nợ này tại thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

- Khoản 2 Điều 3 Thông tư 31 quy định:

“2. Khoản nợ là số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã gửi, thanh toán, giải ngân từng lần theo thỏa thuận (đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có thời điểm cuối cùng của thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau) hoặc số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã giải ngân theo thỏa thuận (đối với trường hợp nhiều lần giải ngân nhưng có thời điểm cuối cùng của thời hạn và kỳ hạn trả nợ giống nhau) đối với nợ chưa hoàn trả của một khách hàng.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp khoản nợ quá hạn nhưng đã được tất toán trước thời điểm phân loại (tức là khách hàng đã thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ quá hạn, đến hạn và chưa đến hạn của khoản nợ đó) thì việc phân loại các khoản nợ khác của cùng khách hàng đó độc lập với khoản nợ đã được tất toán.

Câu 12: Giữa tháng T, ngân hàng nhận báo cáo từ CIC có kết quả là nhóm 2 cho khách hàng A, ngân hàng điều chỉnh trong hệ thống là nhóm 2 đối với khách hàng A theo kết quả từ CIC. Cuối tháng T, ngân hàng tự thực hiện phân loại nợ đối với khoản nợ của khách hàng A tại ngân hàng là nhóm 1 cho thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng T. Đầu tháng T+1, ngân hàng gửi kết quả nhóm 1 của khách hàng A cho CIC. Vậy vào thời điểm cuối tháng T, kết quả tự phân loại nợ của ngân hàng đối với khách hàng A là nhóm 1 cho thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng T khác với nhóm nợ theo kết quả CIC gần nhất (giữa tháng T) là nhóm 2 thì Ngân hàng sẽ thực hiện cập nhật vào hệ thống và gửi thông tin cho CIC về nhóm nợ của khách hàng như thế nào? Đồng thời, ngân hàng cập nhật hệ thống là vào thời điểm cuối ngày làm việc của tháng T hay ngày làm việc tiếp theo của tháng T+1?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 8 Thông tư 31 quy định:

“1. Ít nhất mỗi tháng một lần, trong 07 (bảy) ngày đầu tiên của tháng, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư này để tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề theo kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng và gửi kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng cho CIC.

Ngoài thời điểm phân loại nêu trên, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo quy định nội bộ.”

Căn cứ quy định nêu trên, việc xác định kết quả tự phân loại nợ của tháng T (trong ví dụ của TCTD) như sau:

TCTD thực hiện tự phân loại trong vòng 07 ngày đầu tiên của tháng T+1 để có kết quả tự phân loại nợ cho thời điểm ngày cuối cùng của tháng T; nhóm nợ điều chỉnh theo CIC được thực hiện giữa tháng T là kết quả phân loại cho thời điểm ngày cuối cùng của tháng T-1 nên không phản ánh vào kết quả tự phân loại cho thời điểm ngày cuối cùng của tháng T. Do vậy, TCTD thực hiện ghi nhận nhóm nợ của khách hàng theo kết quả tự phân loại nợ cho thời điểm ngày cuối tháng T theo quy định.

Đồng thời, trong 07 ngày đầu tiên của tháng, TCTD thực hiện cập nhật trên hệ thống theo quy định nội bộ và pháp luật về hạch toán kế toán tính từ khi có kết quả phân loại nợ cho thời điểm chốt số liệu vào cuối ngày cuối cùng của tháng T.

6. Nguyên tắc tự phân loại

Câu 13: Trong trường hợp khoản vay có người vay chính và người đồng vay, việc phân loại nợ giữa khoản vay chung của hai người và các khoản vay riêng của người đồng vay tại các TCTD có liên quan đến nhau hay không?

Trả lời:

Về mặt nguyên tắc, phân loại nợ là việc theo dõi, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng có nghĩa vụ hoặc có thể phát sinh nghĩa vụ trả nợ, thanh toán cho TCTD mà được TCTD thực hiện thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra giám sát sau vay theo quy định tại các văn bản nghiệp vụ, trong đó khoản 3 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư 39) quy định khách hàng vay vốn tại TCTD là pháp nhân, cá nhân; quy định này phù hợp với quy định về chủ thể tham gia giao dịch dân sự tại Bộ Luật Dân sự 2015. Đối với tổ chức không có tư cách pháp nhân thì TCTD xem xét cho vay đối với cá nhân (một hoặc một số cá nhân) phù hợp với quy định tại Thông tư 39 và Bộ Luật Dân sự 2015.

Trường hợp khách hàng trong hợp đồng hoặc thỏa thuận cấp tín dụng (sau đây gọi tắt là thỏa thuận) là một số cá nhân, TCTD cần theo dõi, đánh giá khả năng trả nợ của tất cả các cá nhân là khách hàng theo thỏa thuận đã được ký kết. Theo đó, kết quả phân loại nợ của khoản vay theo thỏa thuận giữa các cá nhân với TCTD sẽ ảnh hưởng đến kết quả phân loại nợ của các khoản vay khác theo thỏa thuận giữa từng cá nhân với TCTD và ngược lại. Do vậy, TCTD phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khách hàng theo quy định tại các văn bản nghiệp vụ.

Câu 14: Đề nghị NHNN hướng dẫn phân loại nợ các trường hợp sau:

a) Khoản TPDN không kéo dài thời hạn, chỉ thực hiện điều chỉnh kỳ hạn/số tiền trả gốc/lãi định kỳ.

b) TPDN không có bảo đảm (bao gồm cả niêm yết và không niêm yết).

Trả lời:

a) Khoản 7 Điều 9 Thông tư 31 quy định:

“7. Đối với số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) mua trái phiếu chưa niêm yết, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phân loại số tiền mua trái phiếu như là một khoản cho vay đối với bên phát hành trái phiếu; trường hợp trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm thì phân loại như là một khoản cho vay có bảo đảm đối với bên phát hành trái phiếu.

Đối với số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác mua trái phiếu chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu theo quy định của pháp luật thì được phân loại như một khoản cho vay được gia hạn nợ.”

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế (đã được sửa đổi, bổ sung) (Nghị định 153) có quy định về kéo dài kỳ hạn của trái phiếu. Theo đó, khoản 7 Điều 9 Thông tư 31 quy định làm rõ thuật ngữ “kéo dài kỳ hạn trái phiếu” quy định tại Nghị định 153 sẽ tương ứng với việc “gia hạn nợ” khi TCTD phân loại số tiền mua, ủy thác mua trái phiếu chưa niêm yết như là một khoản cho vay. Trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ TPDN chưa niêm yết có bản chất tương tự hoạt động điều chỉnh kỳ hạn trả nợ quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2 Thông tư 39, TCTD căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 9 Thông tư 31 để thực hiện phân loại số tiền mua trái phiếu chưa niêm yết như là một khoản cho vay được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

b) Điểm g khoản 1 Điều 1 Thông tư 31 quy định:

“1. Thông tư này quy định về việc phân loại đối với các tài sản có (sau đây gọi là nợ) trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh từ các hoạt động sau:

... g) Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;...”

Căn cứ quy định nêu trên, Thông tư 31 chỉ thực hiện phân loại nợ đối với TPDN chưa niêm yết. Trường hợp TPDN chưa niêm yết không có bảo đảm thì phân loại như một khoản cho vay không có bảo đảm đối với bên phát hành trái phiếu theo nguyên tắc quy định tại khoản 7 Điều 9 Thông tư 31. Khoản mua và ủy thác mua TPDN đã niêm yết không thuộc phạm vi phân loại nợ tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 31.

Câu 15: Đề nghị NHNN hướng dẫn về việc phân loại nợ đối với các khoản UPAS L/C nếu đến ngày thanh toán thư tín dụng mà khách hàng không thể hoàn trả đủ cho ngân hàng phát hành số tiền đã được thanh toán cho bên thụ hưởng?

Trả lời:

Điểm a(ii) khoản 13 Điều 9 Thông tư 31 quy định:

“(ii) Trường hợp phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng, ngân hàng phát hành phân loại khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng như là một khoản cho vay đối với bên đề nghị, kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng;”

Căn cứ quy định nêu trên, đối với trường hợp này TCTD thực hiện phân loại như một khoản cho vay kể từ ngày ngân hàng thanh toán cho bên thụ

hưởng. Nếu khách hàng không thể hoàn trả đủ số tiền cho ngân hàng phát hành, TCTD theo dõi, phân loại nợ như một khoản cho vay bị quá hạn.

Câu 16: Đề nghị NHNN hướng dẫn các tình huống Ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc (CGBB) bán nợ nhưng chưa thu đủ tiền của bên mua là Ngân hàng được CGBB theo phương án CGBB thì thực hiện phân loại nợ và liên đới nhóm nợ như thế nào, cụ thể như sau:

Tình huống 1: Bên mua nợ mua nhiều khoản nợ trong cùng một hợp đồng và nhóm nợ của các khoản nợ trước thời điểm mua khác nhau thì có phải phân loại nợ cao nhất đối với bên mua nợ không?

Tình huống 2: Bên mua nợ có dư nợ tại TCTD khác thì có phải phân loại theo nhóm nợ cao nhất tại các TCTD không?

Tình huống 3: Nhóm nợ của các khoản nợ trước thời điểm mua/bán là nhóm 1. Vậy sau khi mua/bán có phải phân loại là nhóm 5 không do bên mua nợ là TCTD được kiểm soát đặc biệt? (Do khoản nợ của TCTD kiểm soát đặc biệt phải phân loại nhóm 5 theo điểm đ(viii) khoản 1 Điều 10 tại Thông tư 31).

Trả lời:

- Điểm 1 khoản 1 Điều 185 Luật các TCTD 2024 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định một trong những quyền, nghĩa vụ của bên nhận chuyển giao bắt buộc: “*l) Bán, bán có kỳ hạn khoản nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo thỏa thuận; phải mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;*”

- Khoản 3 Điều 8 Thông tư 31 quy định:

“3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được danh sách khách hàng do CIC cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do CIC cung cấp.

Trường hợp kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ của khách hàng do CIC cung cấp.”

- Khoản 4, 5 Điều 9 Thông tư 31 quy định:

“4. Đối với khoản nợ đã bán (trừ khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ thì ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bán nợ phân loại số tiền chưa thu được theo hợp đồng mua, bán nợ như là khoản nợ chưa bán, cụ thể như sau:

Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bán nợ phân loại số tiền chưa thu được đối với bên mua nợ vào nhóm nợ mà khoản nợ đó đã được phân loại tại thời điểm phân loại nợ gần nhất trước khi bán và căn cứ vào các thông tin về

thời hạn, kỳ hạn và thông tin khác tại hợp đồng tín dụng đã ký với khách hàng có khoản nợ được bán để tiếp tục phân loại số tiền chưa thu được theo quy định tại Thông tư này.

5. Đối với khoản nợ tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc bán cho tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ thì tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc phân loại số tiền chưa thu được đối với tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều này, không áp dụng quy định tại điểm đ(viii) khoản 1 Điều 10 Thông tư này và không phải điều chỉnh nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này (nếu có) trong thời gian thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.”

Thông tư 31 không quy định về việc thực hiện mua, bán nhiều khoản nợ trong cùng một hợp đồng (gọi tắt là mua bán nợ theo lô). Hợp đồng mua, bán nợ theo lô là thỏa thuận dân sự giữa bên mua và bên bán nợ, do vậy, số tiền mua, bán nợ được xác định là số tiền mua, bán nợ tại hợp đồng mua, bán nợ theo lô và theo quy định nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật (trong đó có quy định tại Thông tư 31).

Căn cứ các quy định nêu trên, khoản nợ của TCTD nhận CGBB bán cho TCTD được CGBB theo phương án CGBB được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ, TCTD nhận CGBB phân loại số tiền chưa thu được đối với TCTD được CGBB theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư 31, không áp dụng quy định tại điểm đ(viii) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31 và không phải điều chỉnh nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 31 trong thời gian thực hiện phương án CGBB.

Câu 17: Đề nghị NHNN hướng dẫn cách tính số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong trường hợp cơ cấu đối với một phần số dư của khoản nợ. Đồng thời nếu khoản nợ đó bị quá hạn phần số dư không thực hiện cơ cấu thì thực hiện phân loại nợ như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 3 Thông tư 31 quy định: “2. Khoản nợ là số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã gửi, thanh toán, giải ngân từng lần theo thỏa thuận (đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có thời điểm cuối cùng của thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau) hoặc số tiền ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã giải ngân theo thỏa thuận (đối với trường hợp nhiều lần giải ngân nhưng có thời điểm cuối cùng của thời hạn và kỳ hạn trả nợ giống nhau) đối với nợ chưa hoàn trả của một khách hàng.”

Khoản 16 Điều 9 Thông tư 31 quy định: “16. Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ là tổng số lần thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với từng khoản nợ, kể từ thời điểm phát sinh khoản nợ đến thời điểm khách hàng hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”

Căn cứ các quy định nêu trên, việc phân loại nợ theo Thông tư 31 thực hiện theo đơn vị là khoản nợ mà không phân loại theo từng phần số dư nợ, số lần cơ cấu nợ được xác định là tổng số lần thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với từng khoản nợ. Theo đó, trường hợp cơ cấu nợ đối với một phần số dư nợ thì khoản nợ có phần số dư cơ cấu đó được xác định là khoản nợ đã cơ cấu; số lần cơ cấu của khoản nợ được tính là tổng số lần cơ cấu của tất cả các lần cơ cấu của các phần số dư nợ của khoản nợ đó.

Theo đó, TCTD thực hiện xác định khoản nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 31, trên cơ sở đó thu thập thông tin liên quan đến từng khoản nợ (như trong ví dụ của TCTD là thông tin về: Số lần cơ cấu, thông tin quá hạn của phần số dư không được cơ cấu của khoản nợ,...) để thực hiện phân loại nợ đối với từng khoản nợ theo quy định tại Thông tư 31.

Câu 18: TCTD thực hiện phân loại vào nhóm nợ thấp hơn đối với các khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra sau khi đã khắc phục xong các kết luận của cơ quan quản lý như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại điểm c(v), d(v), d(vi) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31, những khoản nợ đã thu hồi đầy đủ theo kết luận thanh tra, kiểm tra không thuộc trường hợp quy định nêu trên mà căn cứ vào các quy định còn lại tại Thông tư 31 để thực hiện phân loại nợ đối với khoản nợ này.

Câu 19: Nếu các khoản quá hạn sau khi được miễn, giảm lãi tiền vay thì được phân loại như thế nào? Đồng thời, các khoản nợ được hạ lãi suất có được tính vào đối tượng này không?

Trả lời:

- Tại Điều 10 Thông tư 31 không quy định đối với khoản nợ đã được miễn giảm lãi mà bị quá hạn. Phân loại khoản quá hạn sau khi được miễn, giảm lãi là việc phân loại đồng thời theo các tiêu chí của (i) khoản nợ quá hạn và (ii) khoản nợ được miễn, giảm lãi. Trường hợp kết quả phân loại đối với khoản nợ này theo 2 tiêu chí trên khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

- Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật các TCTD 2024: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*”. Việc hạ lãi suất đối với các khoản nợ do thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng, không phải là việc miễn, giảm lãi tiền vay đã phát sinh đối với khoản nợ nên không phân loại như một khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi.

Câu 20: Khoản 2 Điều 10 Thông tư 31 quy định các trường hợp được xem xét về nhóm thấp hơn gồm “Khoản nợ quá hạn” và “Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ”. Vậy khoản nợ cơ cấu bị quá hạn sẽ được xem xét thử thách theo điều khoản nào?

Trả lời:

Khoản nợ cơ cấu bị quá hạn thì việc phân loại về nhóm nợ có rủi ro thấp hơn được thực hiện theo tiêu chí quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31 tùy thuộc vào thời điểm nào xảy ra sau.

Ví dụ: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư 31, khoản nợ quá hạn có ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn là ngày 15/01/2026. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31, khoản nợ cơ cấu lại có ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn được cơ cấu lại là ngày 10/02/2026. Vậy khoản nợ cơ cấu bị quá hạn sẽ có thời gian thử thách tính từ thời điểm xảy ra sau là ngày 10/02/2026.

Câu 21: TCTD có thực hiện dự thu đối với khoản vay, khoản đầu tư trái phiếu đang có quá hạn dưới 10 ngày vẫn đang được phân loại nợ là nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 31 không?

Trả lời:

TCTD thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư 31 và Nghị định 86. Việc hạch toán ghi nhận lãi dự thu vào doanh thu thực hiện theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tại điểm a.1 khoản 2 Điều 13 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (Nghị định 135) quy định:

“Doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng: ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật ngân hàng để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu như sau:

Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào doanh thu đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của pháp luật.

Số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại thì không được hạch toán doanh thu, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu.”

Theo đó, việc ghi nhận lãi dự thu đối với các khoản nợ được phân loại nợ thuộc Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể (trong đó có khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn) theo quy định tại Thông tư 31, các TCTD thực hiện theo quy định tại Nghị định 135.

7. Về phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo phương pháp định lượng

Câu 22: TCTD có được phân loại số tiền mua TPDN chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu theo quy định của pháp luật vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31 hay không? Ngày tính thời gian thử thách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31 đối với TPDN là ngày nào trong hai trường hợp sau:

- Khách hàng thanh toán lãi trước hạn của một kỳ lãi (hay tất cả các kỳ lãi được cơ cấu)?

- Khách hàng thanh toán lãi đúng hạn theo lịch cơ cấu, kỳ thanh toán lãi đầu tiên.

Trả lời:

Khoản 7 Điều 9 Thông tư 31 quy định:

“7. Đối với số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) mua trái phiếu chưa niêm yết, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phân loại số tiền mua trái phiếu như là một khoản cho vay đối với bên phát hành trái phiếu; trường hợp trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm thì phân loại như là một khoản cho vay có bảo đảm đối với bên phát hành trái phiếu.

Đối với số tiền mua, ủy thác cho tổ chức khác mua trái phiếu chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu theo quy định của pháp luật thì được phân loại như một khoản cho vay được gia hạn nợ.”

Căn cứ quy định nêu trên, TCTD thực hiện phân loại số tiền mua TPDN chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu như một khoản cho vay được gia hạn nợ và có thể được áp dụng quy định chuyển về nhóm nợ thấp hơn nếu đáp ứng các điều kiện tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31. Thời điểm để tính khoảng thời gian thử thách là kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận thanh toán trái phiếu sau khi trái phiếu chưa niêm yết được kéo dài kỳ hạn trái phiếu hoặc kể từ ngày khách hàng trả nợ trước hạn so với thời hạn được cơ cấu lại.

Câu 23: Tại thời điểm hạch toán cơ cấu nợ, khoản nợ bị phân loại nợ theo khoản 1 Điều 10 Thông tư 31, vậy khoản nợ cơ cấu có được chuyển về nhóm nợ có rủi ro thấp hơn kể từ ngày hạch toán cơ cấu nếu trong thời gian này khoản nợ cơ cấu không có phát sinh lịch trả nợ gốc/lãi hay không?

Trả lời:

Điểm b(i) khoản 2 Điều 10 Thông tư 31 quy định:

“2. Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:

...

b) Đối với khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại (nếu có) trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung hạn, dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn được cơ cấu lại; trường hợp gốc và lãi có cùng 01 (một) kỳ hạn trả nợ thì tính kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi; ...”

Căn cứ quy định nêu trên, thời gian thử thách được tính kể từ ngày khách hàng bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn cơ cấu lại (không phải là ngày thực hiện hạch toán cơ cấu đối với khoản nợ đó).

Câu 24: Trong trường hợp khoản nợ cơ cấu trung dài hạn bị quá hạn và bị chuyển nợ xấu, khách hàng thanh toán hết nợ quá hạn và thanh toán trước 03 kỳ trả nợ (tương ứng với 03 tháng) thì khoản nợ có được chuyển về nhóm 1 ngay tại thời điểm thanh toán trước hay không?

Trả lời:

Điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31 quy định:

“2. Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:

...

b) Đối với khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại (nếu có) trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung hạn, dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn được cơ cấu lại; trường hợp gốc và lãi có cùng 01 (một) kỳ hạn trả nợ thì tính kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi;

(ii) Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ;

(iii) Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu để đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn đã được cơ cấu lại; ...”

Đối với khoản nợ đã cơ cấu và bị quá hạn, việc tính thời gian thử thách đã được hướng dẫn tại Câu 20 Bản giải đáp, hướng dẫn này. Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn so với thời hạn được cơ cấu lại thì thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách kể từ ngày khách hàng bắt đầu trả đầy đủ gốc và/hoặc lãi trước hạn và vẫn phải đảm bảo thời gian tối thiểu theo quy định tại Thông tư 31.

Câu 25: TCTD cho rằng đối với các khoản nợ ngắn hạn (thời hạn vay ban đầu dưới 12 tháng) sau đó được TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng biện pháp gia hạn nợ thì TCTD sẽ vẫn áp dụng điều kiện của khoản nợ ngắn hạn khi xem

xét phân loại nợ vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn. Thông tin về thời hạn cho vay là thông tin đã được ghi nhận từ thời điểm TCTD xem xét, thẩm định và quyết định cho khách hàng vay vốn và được thể hiện trên hợp đồng vay đã ký giữa TCTD và khách hàng. Trong khi đó cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ là các biện pháp hỗ trợ của TCTD với khách hàng đang gặp khó khăn tạm thời. Việc áp dụng biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ không làm thay đổi thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó của khoản nợ.

Đề nghị hướng dẫn về cách hiểu nêu trên có phù hợp với các quy định pháp luật liên quan hay không?

Trả lời:

- Khoản 8 Điều 2 Thông tư 39 quy định:

“8. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày tổ chức tín dụng giải ngân vốn vay cho khách hàng cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận của tổ chức tín dụng và khách hàng. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Đối với thời hạn cho vay không đủ một ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.”.

- Điểm e, k khoản 1 Điều 23 Thông tư 39 quy định:

“Điều 23. Thỏa thuận cho vay

1. Thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:...

e) Thời hạn cho vay;...

k) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ;...”

Căn cứ quy định nêu trên, thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày TCTD giải ngân vốn vay cho khách hàng cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận. Việc xác định khoản nợ là ngắn hạn hay trung, dài hạn thực hiện theo quy định tại Thông tư 39.

Mặt khác, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 10, Điều 11 Thông tư 31 thì TCTD phải thực hiện phân loại nợ đối với khoản nợ. Như vậy, trong khoảng thời gian khách hàng chưa hoàn trả nợ (bao gồm cả khoảng thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ) thì phải được theo dõi phân loại nợ theo quy định tại Thông tư 31. Việc xác định nợ ngắn hạn/nợ trung, dài hạn để áp dụng thời gian thử thách theo quy định tại Thông tư 31 phải bao gồm cả thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

8. Về phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo phương pháp định tính

Câu 26: Hiện nay Ngân hàng đang thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo phương pháp định tính. Ngân hàng hiểu rằng khi thực hiện sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách dự phòng rủi ro, chính sách quản lý rủi ro tín dụng (sau đây gọi chung là “Chính sách nội bộ”) thì phải báo cáo NHNN, kèm theo nội dung tự đánh giá việc đáp ứng nguyên tắc tổng số tiền trích lập dự phòng cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả phân loại nợ định tính

theo quy định tại khoản 1 Điều 11 sau khi sửa đổi, bổ sung không thấp hơn tổng số tiền trích lập dự phòng cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 (gọi chung là “Báo cáo tự đánh giá”) cho năm tài chính bắt đầu áp dụng Chính sách nội bộ được sửa đổi, bổ sung.

Tuy nhiên, tại thời điểm sửa đổi, bổ sung Chính sách nội bộ thì Ngân hàng chưa có số liệu phân loại nợ tại thời điểm dự kiến được áp dụng hoặc năm tài chính bắt đầu áp dụng Chính sách nội bộ được sửa đổi, bổ sung (là thời điểm dự kiến trong tương lai) để lập Báo cáo tự đánh giá. Do đó, Ngân hàng phát sinh vướng mắc về cách thức lấy số liệu để lập Báo cáo tự đánh giá gửi NHNN, kính đề nghị NHNN hướng dẫn chi tiết để Ngân hàng có căn cứ thực hiện.

Trả lời:

Điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư 31 quy định:

“1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro quy định tại Điều 6 Thông tư này, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương tiện điện tử cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này văn bản sau:

...

b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

(i) Văn bản báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro, trong đó báo cáo rõ lý do sửa đổi, bổ sung;

(ii) Các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro.”

Căn cứ quy định nêu trên, khi TCTD thực hiện sửa đổi quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro phải báo cáo về các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 và theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 31 (Nội dung báo cáo không bao gồm Báo cáo tự đánh giá).

Khoản 7 Điều 11 Thông tư 31 quy định:

“7. Đối với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được áp dụng phương pháp phân loại nợ, cam kết ngoại bảng quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều này, trường hợp sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách dự phòng rủi ro, chính sách quản lý rủi ro tín dụng, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách dự phòng rủi ro, chính sách quản lý rủi ro tín dụng, trong đó đánh giá việc đáp ứng nguyên tắc tổng số tiền trích lập dự phòng cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả phân loại nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này sau khi sửa đổi, bổ sung không thấp hơn tổng số tiền trích lập dự phòng cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả phân loại nợ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này cho năm tài chính bắt đầu áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách dự phòng rủi ro, chính sách quản lý rủi ro tín dụng được sửa đổi, bổ sung. Trường

hợp ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đánh giá không đáp ứng nguyên tắc này, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thực hiện phương pháp định lượng theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.”

Căn cứ quy định nêu trên, sau khi kết thúc năm tài chính mà có phát sinh việc sửa đổi bổ sung quy định nội bộ, TCTD gửi báo cáo đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu tại khoản 7 Điều 11 Thông tư 31 của năm tài chính đó cho NHNN phù hợp với quy định về thời điểm phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tại Thông tư 31 và Nghị định 86.

9. Về quản lý nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro

Câu 27: Đề nghị NHNN hướng dẫn bổ sung nội hàm của công tác “Quản lý việc thực hiện việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong toàn hệ thống” và làm rõ mối liên hệ giữa bộ phận quản lý nợ này đối với các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

Trả lời:

- Hoạt động “Quản lý việc thực hiện việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong toàn hệ thống” quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 31 được hiểu là việc tổng hợp quản lý chung, đầu mối tiếp nhận, xử lý các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện chính sách dự phòng (bao gồm cả việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) để đảm bảo thống nhất thực hiện trong toàn bộ hệ thống của TCTD.

- Về mối liên hệ giữa bộ phận quản lý nợ đối với các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ, TCTD căn cứ quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 (được thay thế bởi Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026) để thực hiện xác định.

10. Nội dung khác

Câu 28: Đề nghị điều chỉnh quy định theo hướng thực hiện phân loại nợ các khoản cấp tín dụng mới của khách hàng theo đúng mức độ rủi ro thực tế của khách hàng, không bị điều chỉnh theo nhóm nợ cao hơn của nợ ngoại bảng đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa.

Trả lời:

Trường hợp một khách hàng có nhiều khoản nợ, trong đó có các khoản nợ nội bảng và các khoản nợ đã được xử lý rủi ro theo quy định pháp luật và đang theo dõi ngoại bảng (bao gồm cả những khoản nợ phát sinh trước và sau khi doanh nghiệp cổ phần hóa), TCTD thực hiện như nội dung đã trả lời tại Câu 5 Bản giải đáp, hướng dẫn này./.